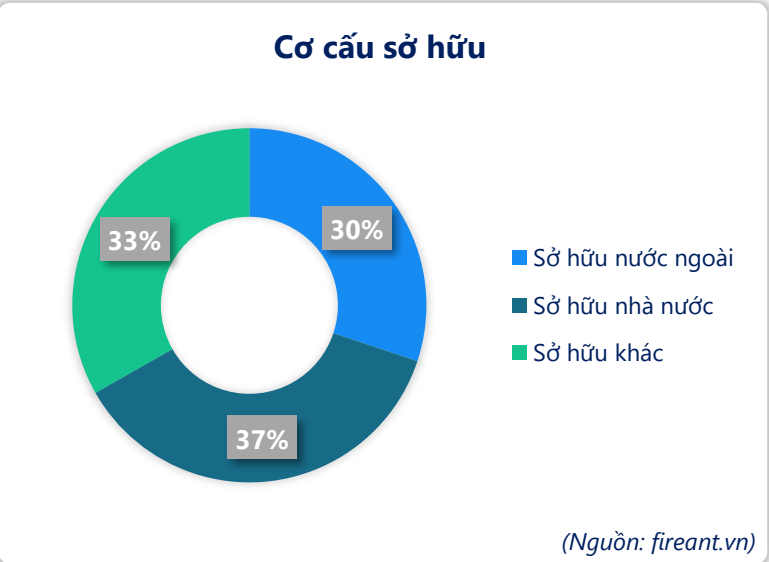
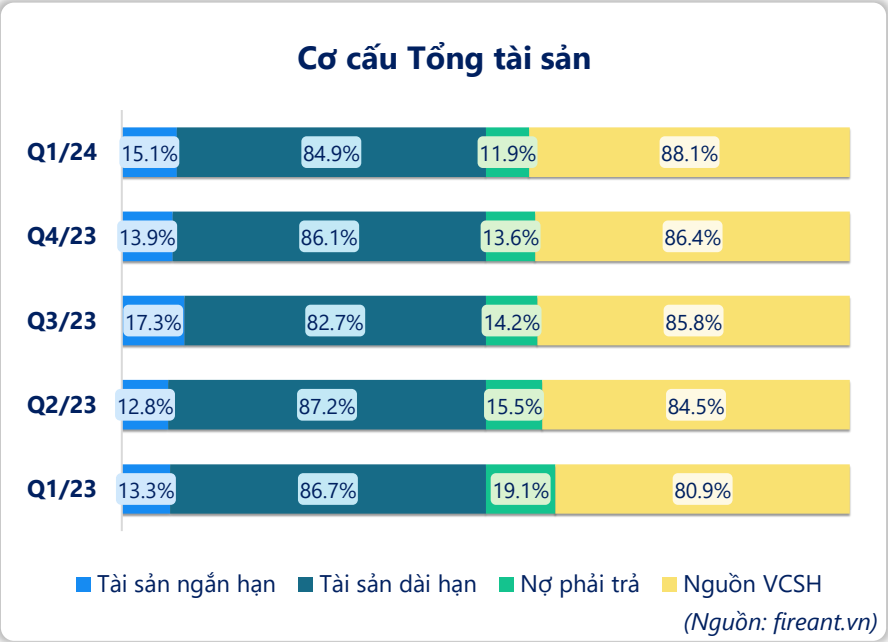
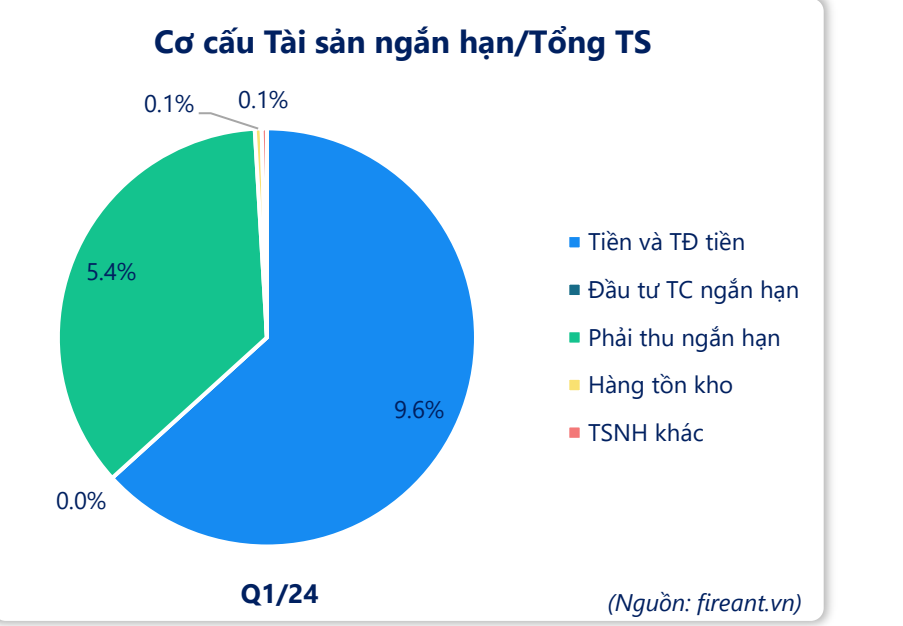
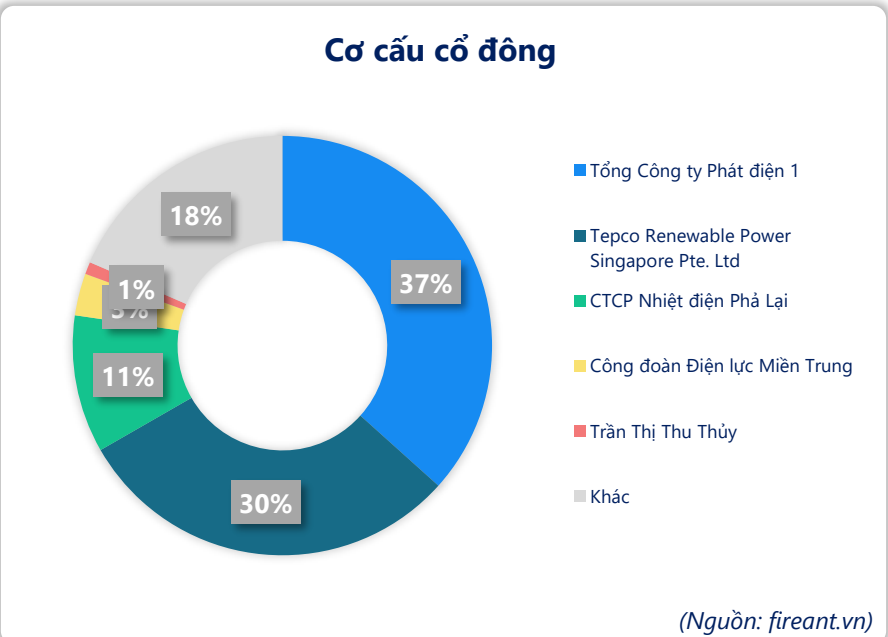
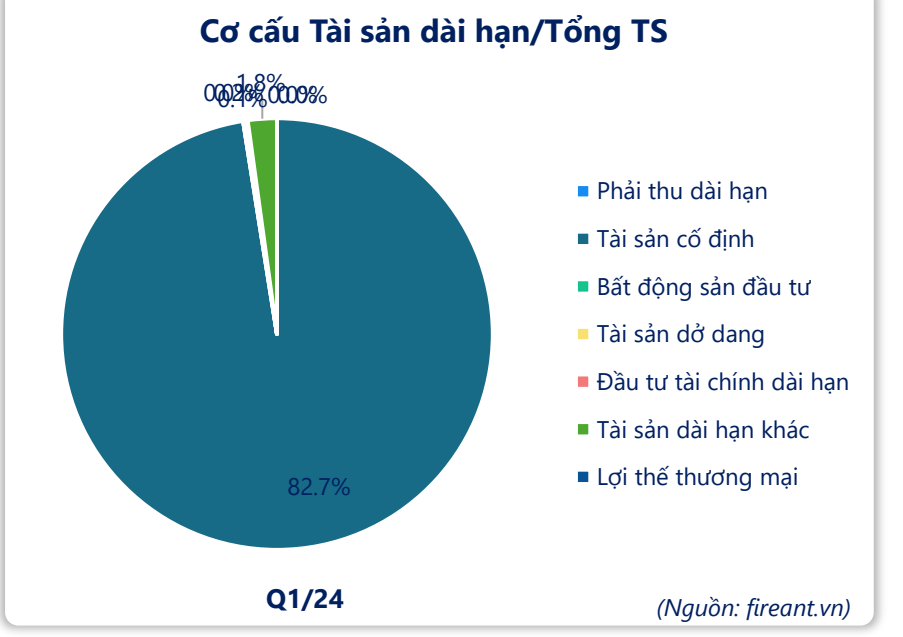
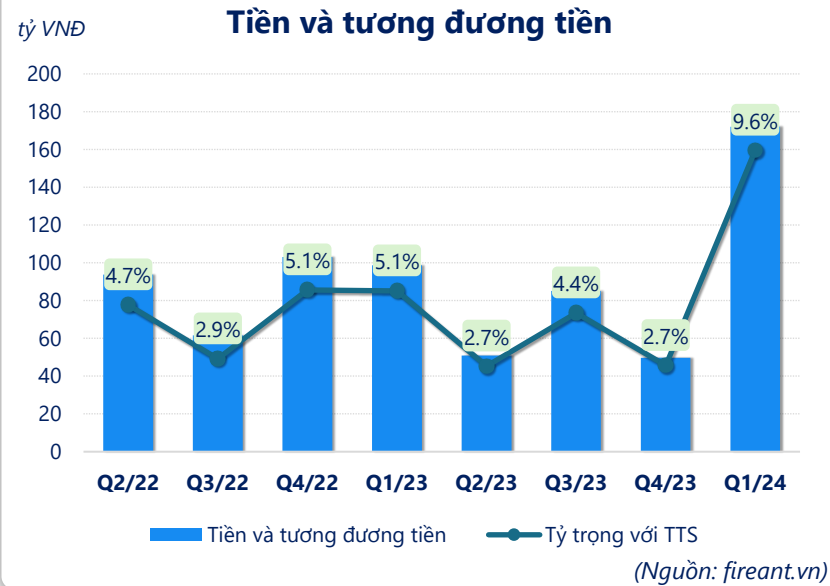
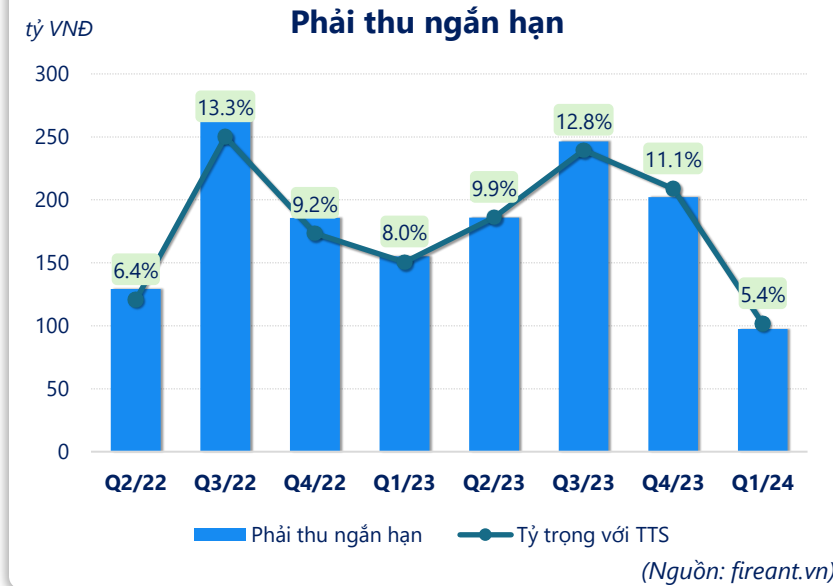
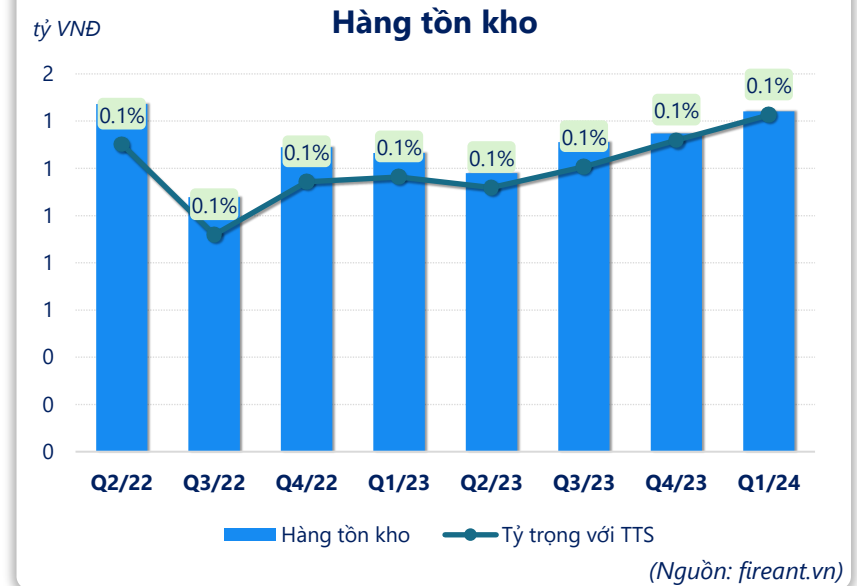
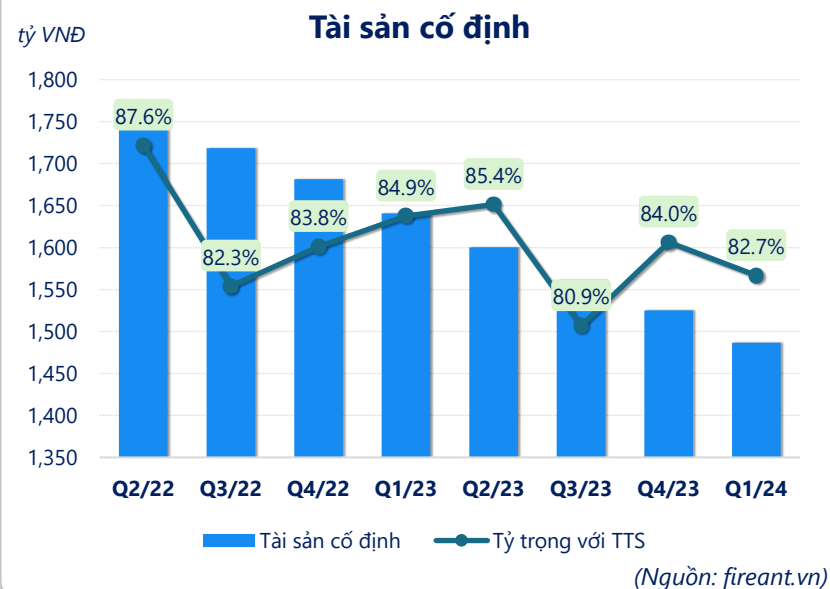
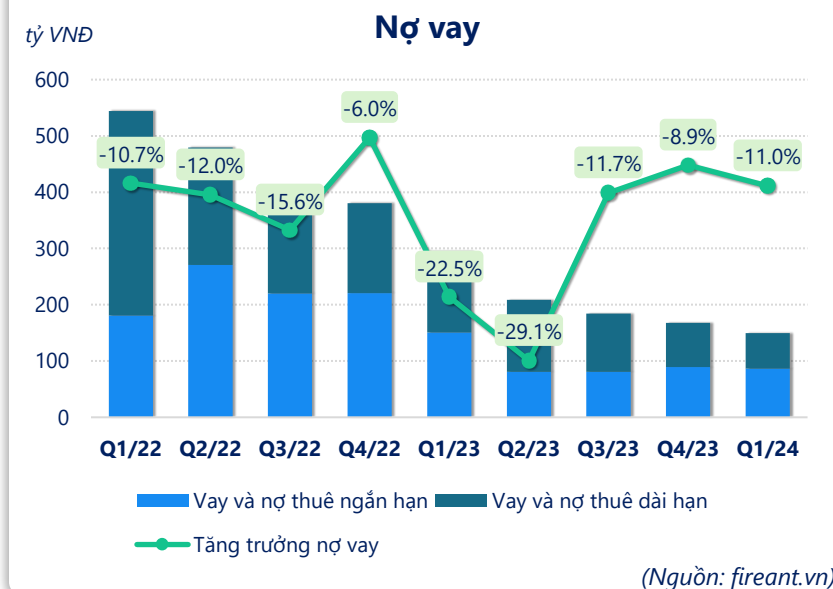
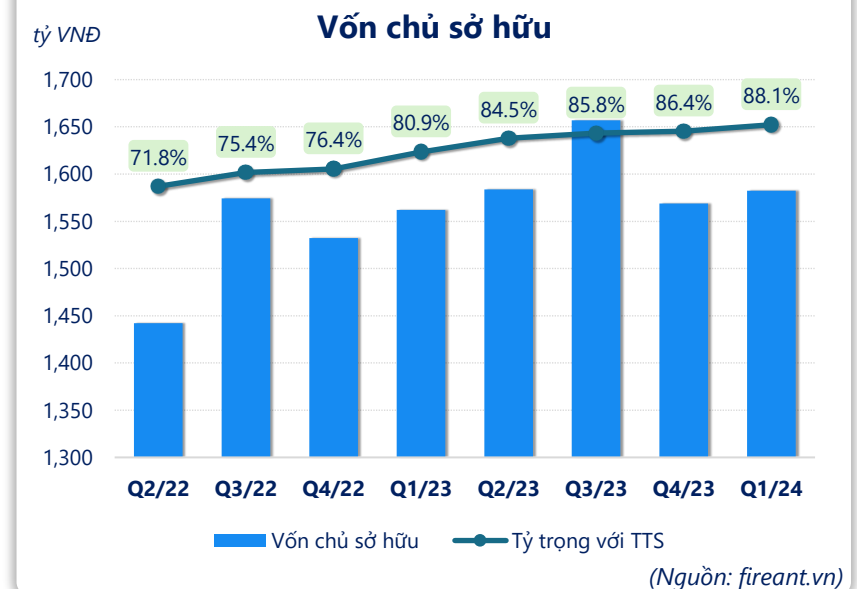
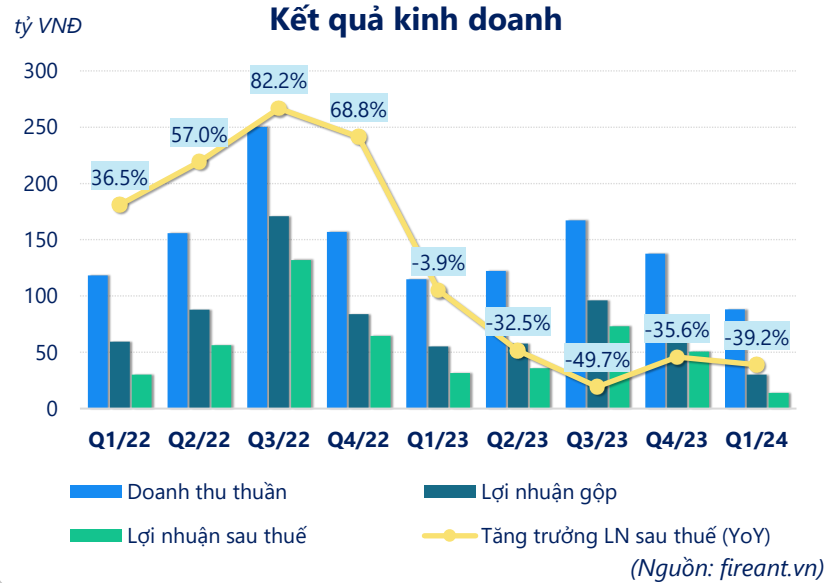
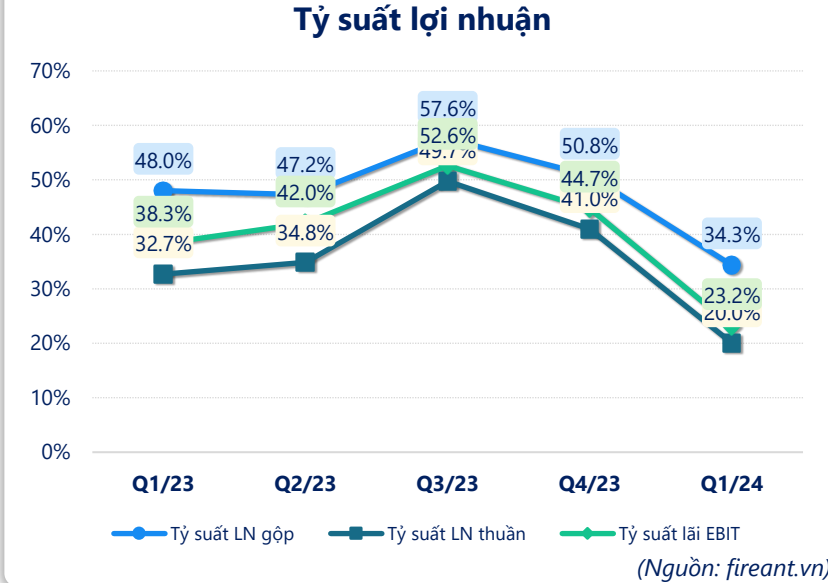
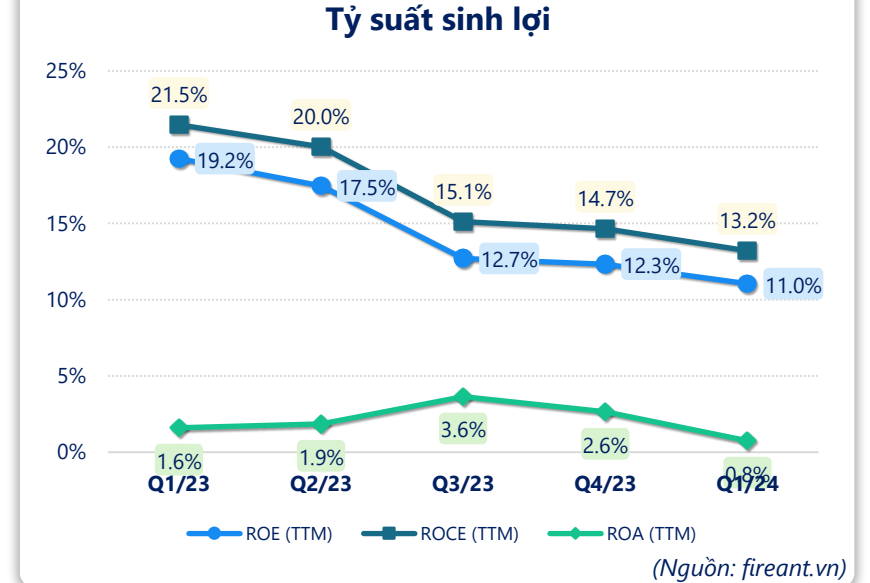
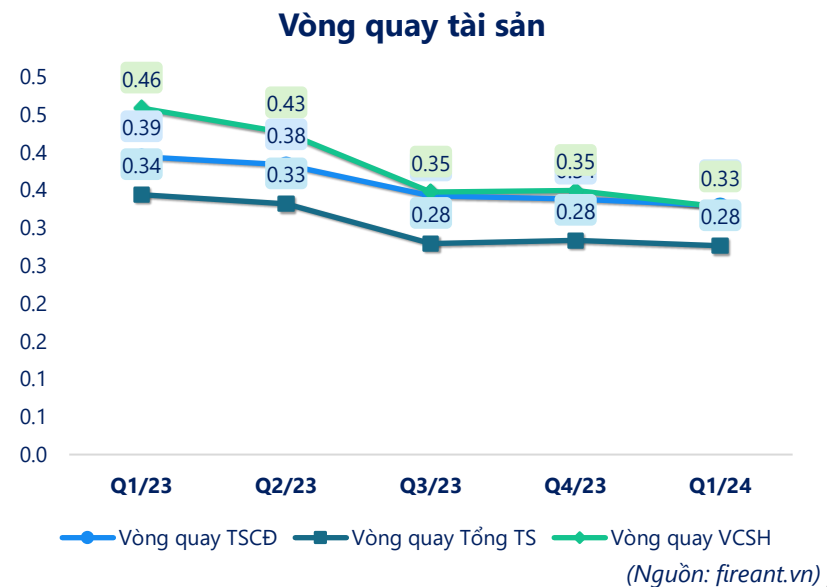
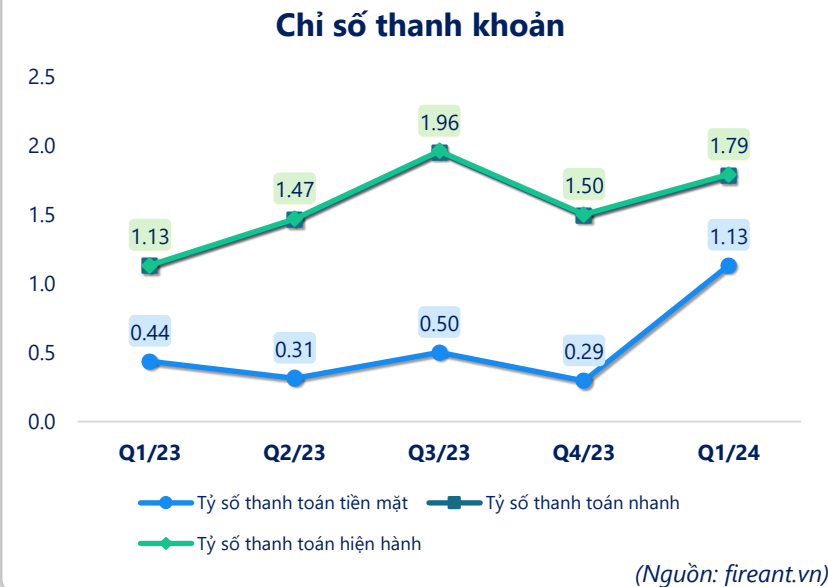
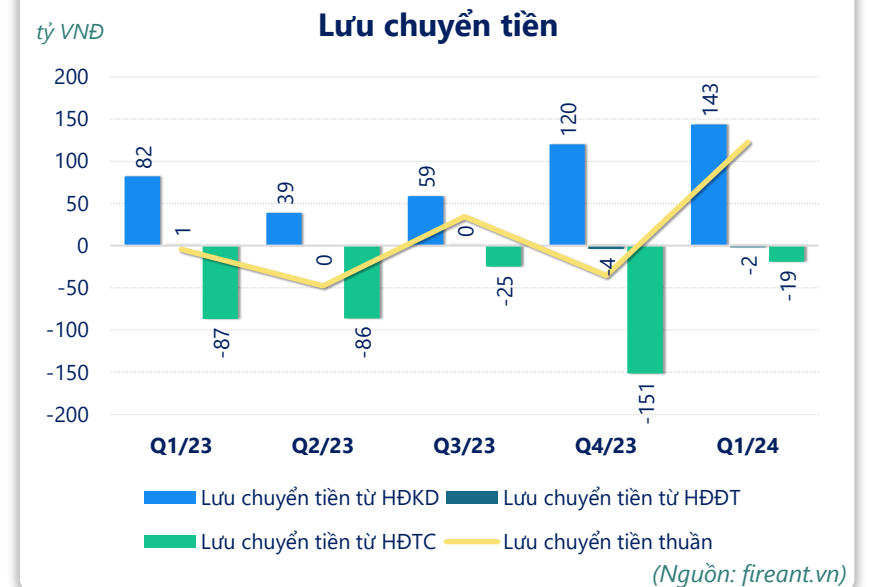


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		26,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,053
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,899
SL cổ phiếu LH		106,589,629
KLGD BQ 20 phiên (CP)		33,880
% sở hữu nước ngoài		30.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,846
P/E		16.4
EPS		1,629

	YTD	1T	3T	6T
VPD	18.2%	9.6%	16.5%	23.2%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,797	1,817	-1.1%
Tài sản ngắn hạn	272	253	7.3%
Tiền và tương đương tiền	172	49.7	246%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	97.4	202	-51.8%
Hàng tồn kho	1.44	1.35	6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.09	0.18	513%
Tài sản dài hạn	1,525	1,563	-2.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,487	1,525	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.27	2.55	28.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.95	1.95	0.0%
Tài sản dài hạn khác	33.1	33.7	-1.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	215	249	-13.7%
Nợ ngắn hạn	152	170	-10.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	86.7	89.2	-2.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.79	9.65	-19.3%
Nợ dài hạn	62.8	78.8	-20.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	62.8	78.8	-20.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,582	1,568	0.9%
Vốn chủ sở hữu	1,582	1,568	0.9%
Vốn điều lệ	1,066	1,066	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	115	122	167	138	88.2
Giá vốn hàng bán	59.7	64.5	70.9	67.8	57.9
Lợi nhuận gộp	55.2	57.8	96.2	69.9	30.3
Doanh thu HĐTC	0.70	0.09	0.53	0.25	0.36
Chi phí TC	9.48	6.72	4.94	3.92	3.19
Chi phí lãi vay	6.61	8.96	4.82	3.59	2.85
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.84	8.54	8.66	9.84	9.79
LN thuần từ HĐKD	37.5	42.6	83.1	56.4	17.6
Lợi nhuận khác	-0.14	-0.19	-0.05	1.59	-0.07
LN trước thuế	37.4	42.4	83.0	58.0	17.6
Lợi nhuận sau thuế	31.6	36.0	73.1	50.5	14.0
LNST của CĐ cty mẹ	31.6	36.0	73.1	50.5	14.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	81.9	38.9	58.6	120	143
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.58	-0.21	0.45	-3.88	-1.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-87.0	-86.4	-25.0	-151	-19.2
Tiền đầu kỳ	103	98.6	51.0	85.1	49.7
Lưu chuyển tiền thuần	-4.47	-47.7	34.1	-35.4	122
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	98.6	51.0	85.1	49.7	172

(Nguồn: fireant.vn)